PHẦN EXCEL BÀI TẬP EXCEL 1

(Nội dung chính: hàm dò tìm (VLOOKUP), chức năng rút trích

KÉT QUẢ TUYỂN SINH NĂM 2014

STT	MÃ SỐ	HỌ TÊN THÍ SINH	NGÀNH THI	KHU VỰC	ĐIỂM TOÁN	ĐIỂM LÝ	ÐIĖM HÓA	TÓNG ĐIỂM	ĐIỂM CHUẨN	KÉT QUẢ
1	K1.101	Võ Thành Thông			5.0	8.0	8.0			
2	H2.102	Nguyễn Hữu Bằng			7.0	9.0	5.0			
3	Q1.130	Lý Thị Hân			6.0	8.0	7.0			
4	Q2.131	Nguyễn Phi Bằng			5.0	7.5	3.0			
5	K1.105	Đỗ Văn Thi			9.0	8.0	6.0			
6	C1.110	Trần Thị Duyên			2.5	6.0	2.5			
7	C2.120	Ngô Ngọc Hậu			6.0	4.0	6.0			
8	H2.135	Trịnh Kim Mã			6.0	5.0	5.0			
9	K1.200	Quách Ngọc Lan			1.5	2.0	3.0			
10	K2.201	Trần Thị Chi			4.0	8.0	7.0			

BẢNG TRA ĐIỂM CHUẨN

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	ĐIỂM CHUẨN 1	ĐIỂM CHUẨN 2	
C	Cơ Khi	17	18	
H	Hóa Dầu	16	17	
K	Kế Toán	17	18	
Q	Quản Trị Kinh Doanh	18	19	

- **1.** Điền dữ liệu cho cột "NGÀNH THI" dựa vào ký tự thứ 1 của "MÃ SỐ" được dò trong bảng "BẢNG TRA ĐIỂM CHUẨN".
- **2.** Điền dữ liệu cho cột "KHU VỰC" là ký tự thứ 2 của "MÃ SỐ" và được chuyển về kiểu dữ liệu số.
- **3.** Điền dữ liệu cho cột "TỔNG ĐIỂM" là tổng của "ĐIỂM TOÁN", "ĐIỂM LÝ" và "ĐIỂM HÓA".
- 4. Sắp xếp bảng tính theo "MÃ SỐ" tăng dần.
- 5. Điền dữ liệu cho "ĐIỂM CHUẨN" dựa vào ký tự đầu của "MÃ SỐ" được dò trong bảng "BẢNG TRA ĐIỂM CHUẨN" nhưng nếu "KHU VỰC" là 1 thì lấy "ĐIỂM CHUẨN 1" còn nếu "KHU VỰC" là 2 thì lấy "ĐIỂM CHUẨN 2".
- **6.** Điền dữ liệu cho "KÉT QUẢ" nếu tổng điểm lớn hơn hoặc bằng "ĐIỂM CHUẨN" thì điền "đậu", ngược lại điền "rớt".
- 7. Thống kê tổng số thí sinh ngành "Kế Toán" có kết quả đậu.

THÍ SINH CÓ KẾT QUẢ ĐẬU					
Kế Toán					

- 8. Dùng Advance Filter rút trích ra tất cả các thí sinh có kết quả "đậu".
- **9.** Thêm cột "LỚP TÀI NĂNG" bên phải cột "KÉT QUẢ" và điền dữ liệu như sau: Nếu tổng điểm thi lớn hơn hoặc bằng 18 và không có môn nào nhỏ hơn 5 thì điền là "lớp tài năng", còn ngược lại thì điền là "lớp đại trà".

(<u>Nội dung chính</u>: hàm dò tìm, chức năng rút trích dữ liệu, các hàm thống kê)

DOANH SỐ BÁN XE MÁY

MÃ HÀNG	NGÀY MUA	TÊN TÌNH	TÊN HÀNG	Số LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (VND)	THÀNH TIỀN (USD)
FUH051	01/02/09						
DRD170	02/03/09						
LOL090	03/04/09						
DAH050	12/03/09						
LOD030	24/08/09						
LIL080	19/11/09						
FUH100	12/03/09						
DRD120	15/06/09						
DAH079	12/09/09						

BÀNG 1

GIÁ 1 (ĐƠN VI 1000) GIÁ 2 (ĐƠN VI 1000) MÃ HÀNG TÊN HÀNG DAYANG 8000 7500 LIFAN 7000 6900 LO 8000 LONCIN 9000 FU **FUTURE** 23000 23000 16000 DR DREAM 16000

BÀNG 2

MÄ	Н	D	L
TÊN TÌNH	HÒ CHÍ MINH	ĐỒNG NAI	LONG AN

- **Câu 1:** Lập công thức để điền dữ liệu vào cột TÊN HÀNG dựa vào hai ký tự đầu của MÃ HÀNG và BẢNG 1.
- **Câu 2:** Lập công thức điền vào cột TÊN TỈNH dựa vào ký tự thứ ba của mã hàng và BẢNG 2.
- **Câu 3:** Lập công thức điển vào cột SÔ LƯỢNG là ba ký tự cuối của MÃ HÀNG và được chuyển thành dữ liệu kiểu số.
- **Câu 4:** Lập công thức điền vào cột ĐƠN GIÁ, nếu sản phần được mua trước tháng 5 thì lấy giá 1, còn lại lấy giá 2.
- **Câu 5:** Lập công thức điền vào cột THÀNH TIỀN (VND): =SỐ LƯỢNG * ĐƠN GIÁ. Định dạng đơn vị VND.
- Câu 6: Lập công thức điền vào cột THÀNH TIỀN (USD):
 - = THÀNH TIỀN (VND) /19000. Nếu sản phẩm được mua trước tháng 7
 - =THÀNH TIỀN (VND)/20000. Nếu sản phẩm được mua sau tháng 7 Định dạng đơn vị USD.
- Câu 7: Sắp xếp bảng tính theo thứ tự tăng dần dựa vào cột THÀNH TIỀN (VND)
- Câu 8: Dùng Advance Filter lọc ra các dòng có TÊN HÀNG là FUTURE.
- Câu 9: Thực hiện bảng thống kê sau:

Tên hàng	Tổng số lượng	Tổng thành tiền VND)
FUTURE		

Câu 10: Tạo Header là Họ và Tên SV ở vị trí trung tâm (center)

Nhập và trình bày bảng tính như sau:

BÅNG 1

SBD	Họ	Tên	Toán	Lý	Hóa	Kết quả
A101	Lê Minh	Tấn	4.0	7.0	5.0	
B102	Trương Quang	Minh	5.0	6.0	6.0	
C203	Lê Minh	Định	4.0	3.0	1.0	
D204	Nguyễn Mạnh	Đình	2.0	4.0	2.0	
A205	Nguyển Thị	Thanh	6.0	7.0	9.0	
C106	Châu Thanh	Thế	8.0	6.0	7.0	
D107	Trần	Trung	9.0	7.0	8.0	
A208	Phan Bá	Vinh	9.0	9.0	9.0	

BÅNG 2

Mã Ngành	Ngành thi	Điểm chuẩn 1	Điểm chuẩn 2	
A	Máy Tính	19	10	
В	Điện Tử	17	18	
С	Xây Dựng	15	16	
D	Hóa	13	14	

BÅNG 3

Mã Ngành	A	В	С	D
Điểm H bổng	25	23	21	19

BẢNG THỐNG KÊ

Tổng số thí sinh Đậu	Tổng số thí sinh Rớt
?	?

Yêu cầu:

- 1. Thiết lập điều kiện cho ba cột Toán, Lý, Hóa: điểm nhập >=0 và <=10.
- 2. Chèn thêm hai cột Ngành thi và Khu vực vào bên trái cột Toán; Hai cột Tổng điểm và Điểm Chuẩn vào bên trái cột Kết Quả; Cột Học bổng vào bên phải cột Kết Quả.
- 3. Lập công thức cho biết Khu vực và Ngành thi cho từng thí sinh. Biết rằng kí tự thứ 2 của SBD cho biết khu vực; kí tự thứ nhất của SBD cho biết ngành thi.
- 4. Tính Tổng điểm là tổng cộng của 3 môn thi.
- 5. Lập công thức cho biết điểm chuẩn dựa vào ngành thi và bảng 2, nếu thí sinh ở khu vực 1 thì điểm chuẩn là Điểm chuẩn 1, ngược lại là Điểm chuẩn 2.
- 6. Lập công thức cho cột kết quả, nếu tổng điểm lớn hơn hay bằng điểm chuẩn của ngành dự thi thì kết quả là "Đậu", ngược lại là "Rót".
- 7. Lập công thức cho cột học bổng, nếu tổng điểm lớn hơn hay bằng điểm học bổng của ngành dự thi thì học bổng là "Có", ngược lại để trống.
- 8. Thực hiện bảng thống kê như trên.
- 9. Trích những thí sinh thi Đậu của khối thi A.
- 10. Vẽ biểu đồ (PIE) so sánh thí sinh Đậu và Rót.

(Nội dung chính: các hàm thống kê, đồ thị)

STT	Mã	Mã	Loại	Chủ	Vốn	Năm	Năm	Mức	Tiềm
511	Dự Án	Khu Vực	Dự Án	Đầu Tư	Đầu Tư	Bắt đầu	Kết thúc	ưu tiên	Năng
1	XD1MNIDC					2011	2018		
2	TH2MBFPT					2011	2015		
3	XD1MTIDC					2011	2013		
4	TH1MBFPT					2010	2013		
5	DL3MBSGT					2010	2020		
6	TH1MNFPT					2011	2016		
7	DL3MTMLI					2009	2014		
8	XD1MNIDC					2007	2013		
9	DL2MTMLI					2011	2018		

PHONBFPT

	Bảng Chủ đầu tư & Vốn đầu tư									
Mã	Chủ đầu tư	MN	MB MT							
IDC	Cty XD IDICO	100 tỉ	200 tỉ	500 tỉ						
FPT	Tập đoàn FPT	800 tỉ	1000 tỉ	750 tỉ						
SGT	Sài Gòn Tourist	500 tỉ	350 tỉ	200 tỉ						
MLI	Tập đoàn Mai Linh	1000 tỉ	1500 tỉ	800 tỉ						

Bảng loại dự án			
Mã	Loại Dự Án		
XD	Dự án xây dựng		
TH	Dự án tin học		
DL	Dự án du lịch		

Học viên thực hiện các yêu cầu sau:

- 1) Định dạng bảng tính như trên, tạo Header là Họ Và Tên của học viên.
- 2) Mã khu vực là ký tự thứ 4 và thứ 5 của cột mã dự án
- 3) Loại dự án dựa vào 2 ký tự đầu của Mã Dự Án và bảng loại Dự Án
- 4) Chủ đầu tư dựa vào 3 ký tự sau của Mã Dự Án và bảng Chủ đầu tư & Vốn đầu tư
- 5) Vốn đầu tư dựa vào mã dự án và mã khu vực, tra trong bảng chủ đầu tư & vốn đầu tư
- 6) Mức ưu tiên dựa vào ký tự thứ 3 của mã dự án
- 7) Nếu số năm hoạt động <5 & Mức ưu tiên =1 thì ghi "Dự Án Tiềm Năng", Ngược lại ghi "Không tiềm năng".
- 8) Trích ra danh sách các dự án thực hiện vào năm 2011
- 9) Làm bảng thống kê sau

	Tổng Vốn Đầu Tư
Sài Gòn Tourist	
Tập đoàn FPT	

10) Vẽ đồ thị cho bảng thông kê ở câu 9

KẾT QUẢ TUYỂN SINH NĂM HỌC							???	
Mã Số	Họ '	Và Tên	Ngành Thi	Khu Vực	Toán	Lý	Hóa	Kết Quả
H101X	Thị	Nhung			5.0	8.0	7.0	
H102S	Hồng	Nguyệt			6.0	5.0	5.0	
C203X	Văn	Thao			2.0	6.0	3.0	
D240X	Quang	Đạo			9.0	9.0	7.0	
M205S	Thu	Thảo			5.0	5.0	4.0	
C106X	Thị	Huyền			10.0	8.0	8.0	
D107S	Hồng	Nhung			8.0	6.0	5.0	
M208X	văn	Thắng			4.0	3.0	5.0	

BÅNG 1:

Mã Ngành	М	D	С	Н
Ngành thi	Máy tính	Điện Tử	Cơ Khí	Hóa Dầu
Điểm chuần 1	19	16	15	14
Điểm chuần 2	20	18	16	15

BÅNG 2:

Mã ngành	Điểm		
Mã ngành	Học Bổng		
M	25		
D	23		
С	21		
Н	19		

I. Nhập dữ liệu cho bảng tính và định dạng như sau:

Orientation: Portrait, Margin: Horizontally

Header: Ho tên thí sinh (Left), Bài thi Excel (Right)

Footer: Số máy (Left), Phòng thi (Right)

II. Lập công thức cho các cột:

Chèn vào trước cột kết quả ba côt: Tổng Cộng, Điểm Chuẩn và Học Bổng.

- 1. Dùng hàm lấy ra năm hiện hành "KẾT QUẢ TUYỂN SINH NĂM ???".
- 2. Lập công thức điền dữ liệu cho cột **Khu Vực**, khu vực là ký tự thứ 2 của Mã số.
- 3. Ngành Thi: Dưa vào ký tư đầu của Mã Số (Mã ngành) và Bảng 1.
- **4. Điểm Chuẩn:** Dựa vào ký tự đầu của Mã số (Mã ngành), Khu vực và Bảng 1. Trong đó, nếu thí sinh thuộc khu vực 1 thì lấy Điểm chuẩn1, ngược lại lấy Điểm chuẩn2.
- **5.** Tính **Tổng cộng** là tổng điểm của 3 môn.
- **6.** Hãy lập công thức điền **Kết quả** như sau: Nếu thí sinh có điểm Tổng cộng >= Điểm chuẩn của ngành mình dự thi thì sẽ có kết quả là "Đậu", ngược lại là "Rớt".
- **7.** Cột **Học bổng** lập công thức điền vào đó là "Có" nếu điểm **Tổng cộng** Của thí sinh >= Điểm học bổng, trường hợp ngược lại để trống.
- **8. Sắp xếp** lại danh sách Kết quả tuyển sinh theo thứ tự tăng dần của cột điểm Tổng Cộng.

Giao Tillii Till Tiçe
9. Rút trích: thông tin của các thí sinh thuộc ngành thi Máy Tính .

Nhà sách XYZ có hệ thống 2 chi nhánh.

NHÀ SÁCH XYZ					NH	À SÁCH X	YZ		
Chi nhánh	11				Chi nhánh	12			
Thống kê s	số lượng sá	ch đã bán			Thống kê	số lượng sá	ch đã bán		
	Sách giáo khoa	Sách Ngoại ngữ	Truyện tranh	Sách gia đình		Sách giáo khoa	Sách Ngoại ngữ	Truyện tranh	Sách gia đình
Tháng 1	150	110	111	222	Tháng 1	115	112	200	256
Tháng 2	230	120	390	114	Tháng 2	211	95	160	111
Tháng 3	115	230	421	211	Tháng 3	111	100	90	150
Tháng 4	100	276	257	198	Tháng 4	230	150	74	200
Tháng 5	157	251	219	220	Tháng 5	235	227	88	115
Tháng 6	234	113	167	90	Tháng 6	290	117	110	105
Tháng 7	542	49	231	214	Tháng 7	170	210	118	54
Tháng 8	112	213	89	112	Tháng 8	210	118	215	100
Tháng 9	29	40	50	87	Tháng 9	80	65	145	55
Tháng 10	50	67	300	129	Tháng 10	119	80	116	80
Tháng 11	90	123	230	235	Tháng 11	75	210	99	60
Tháng 12	35	235	145	345	Tháng 12	85	123	100	54

Yêu cầu:

- Tạo một Sheet Tổng kết cuối năm để tính Tổng số lượng sách đã bán. (Dùng chức năng Consolidate).
- 2. Sử dụng chức năng SparkLine vẽ đồ thị cho bảng thống kê của 2 chi nhánh.
- 3. Vẽ biểu đồ cột cho bảng tổng kết của cửa hàng.
- **4.** Thực hiện chức năng Conditional Formatting, để đánh dấu số lượng cao nhất của từng loại sách.

BÀI TẬP EXCEL 7 Doanh Thu Bán Hàng

						Tỉ giá	21000	
STT	MÃ HÀNG	LOẠI HÀNG	TÊN Hàng	XUẤT Xứ	SŐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (VNĐ)	THÀNH TIỀN (USD)
1	AS200HK							
2	AS300TL							
3	BN450TL							
4	AN200TQ							
5	AQ300TQ							
6	AS500TQ							
7	BQ220TL							
8	AI175TL							
9	BS450TQ							
10	AI400HK							

Bảng tra tên hàng & đơn giá

Bảng	tra	xuất	Χứ
------	-----	------	----

Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá
S	Sony Ericson	500 USD
N	Nokia	700 USD
Q	Q-Mobile	400 USD
I	Iphone	900 USD

Mã			
hàng	HK	TQ	TL
Xuất xứ	Hồng Kông	Trung Quốc	Thái Lan

Lập công thức cho các cột: (mỗi câu 1 điểm)

1) Cột loại hàng dựa vào ký tự đầu tiên của mã hàng

Tổng Tiền

- 2) Cột tên hàng dựa vào ký tự thứ 2 của mã hàng và bảng tra tên hàng & đơn giá.
- 3) Cột xuất xứ dựa vào 2 ký tự cuối của mã hàng và bảng tra xuất xứ .
- 4) Cột số lượng dựa vào các ký tự thứ 3,4,5 của mã hàng .
- 5) Cột đơn giá dựa vào mã hàng và bảng tra tên hàng & đơn giá, định dạng tiền tệ giống bảng tra.
- 6) Cột thành tiền VNĐ= số lượng * đơn giá, định dạng tiền tệ giống bảng tra
- 7) Cột thành tiền USD = thành tiền VNĐ / tỉ giá, chỉ lấy giá trị nguyên.
- 8) Thực hiện bảng thống kê.
- **9**) Vẽ biểu đồ cho bảng thống kê ở câu 8.

TÊN HÀNG	TỔNG TIỀN(USD)
Sony Ericson	
Nokia	
Q-Mobile	
Iphone	

BÀI TẬP EXCEL 8 BẢNG DOANH SỐ BÁN HÀNG

STT	Mã hàng	Tên hàng	Ngày mua	Số lượng mua	Đơn giá mua	Ngày bán	Số lượng bán	Đơn giá bán	Tiền chênh lệch	Tiền hoa hồng
1	S100X		01/01/2011			01/01/2011	100			
2	S150Y		02/01/2011			05/02/2011	120			
3	M300X		01/01/2011			03/01/2011	250			
4	N310X		04/01/2011			02/03/2011	300			
5	D120Y		05/01/2011			05/01/2011	125			
6	N250X		01/01/2011			01/01/2011	200			
7	M120Y		01/02/2011			07/02/2011	100			
8	D100X		01/01/2011			01/01/2011	95			
9	S200X		09/01/2011			09/01/2011	170			
10	S120X		01/02/2011			10/02/2011	120			

Bảng tra 1					
Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá mua			
S	Sữa	300,000			
M	Muối	150,000			
D	Đường	250,000			
N	Nước khoáng	75,000			

Bảng tra 2							
Mã hàng	S	M	D	N			
Giá 1	350,000	200,000	300,000	100,000			
Giá 2	320,000	190,000	270,000	90,000			

Học viên thực hiện các yêu cầu sau:

- 1) Định dạng bảng tính như trên, tạo header là họ và tên của học viên.
- 2) Tên hàng dựa vào ký tự đầu tiên của mã hàng và bảng tra 1 .
- 3) Số lượng mua dựa vào 3 ký tự giữa của mã hàng .
- 4) Đơn giá mua dựa vào tên hàng và bảng tra 1.
- 5) Đơn giá bán dựa vào ký tự đầu của mã hàng và bảng tra 2. Chú ý rằng nếu ký tự cuối của mã hàng là X thì chọn đơn giá 1, nếu ký tự cuối của mã hàng là Y thì chọn đơn giá 2.
- 6) Tiền chênh lệch = Tiền bán Tiền mua .
- 7) Cột tiền hoa hồng được tính như sau: Nếu như số ngày tồn kho <3 và các mặt hàng phải được bán hết, thì tiền hoa hồng bằng 10% tiền chênh lệch .</p>
- 8) Dùng Advanced Filter trích ra những mặt hàng có số lượng bán >=200.

Tên hàng	Sữa	Muối	Đường	Nước khoáng
Tổng tiền chênh lệch				

- 9) Thực hiện bảng thống kê bên dưới.
- 10) Vẽ đồ thị cho bảng thống kê ở câu 9 .

BÀI TẬP EXCEL 9 BẢNG DANH MỤC SẢN PHẨM

Học viên định dạng bảng tính và thực hiện các yêu cầu bên
dưới:

Tỉ giá 1
Tỉ giá 2

STT	Mã hàng	Tên hàng	Ngày nhập	Số lượn g	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền USD	Thành tiền VNĐ	Ghi chú
1	CF01X		01/01/2011						
2	CF02X		01/02/2011						
3	DG01Y		01/02/2011						
4	DG01X		01/04/2011						
5	NC01X		01/05/2011						
6	SU02X		01/06/2011						
7	CF03Y		01/09/2011						
8	SU01Y		01/10/2011						
9	DG03X		01/10/2011						

Bảng tra dữ liệu 1							
Mã hàng	CF	DG	NC	SU			
Tên hàng	Cà phê	Đường	Ngũ Cốc	Sữa			
Số lượng	15	75	40	150			
Đơn vị tính	Bao	ký	Thùng	Lốc			

Bảng tra dữ liệu 2						
Mã hàng Đơn giá 1 Đơn giá 2						
CF	100 USD	95 USD				
DG	2 USD	2 USD				
NC	60 USD	55 USD				
SU	3 USD	4 USD				

- 1) Cột tên hàng dựa vào 2 ký tự đầu của $\mathbf{m}\mathbf{\tilde{a}}$ hàng và $\mathbf{b}\mathbf{\mathring{a}}\mathbf{ng}$ tra $\mathbf{d}\mathbf{\tilde{w}}$ liệu $\mathbf{1}$.
- 2) Cột số lượng dựa vào tên hàng và bảng tra dữ liệu ${\bf 1}$.
- 3) Cột đơn vị tính dựa vào tên hàng và bảng tra dữ liệu 1 .
- 4) Cột đơn giá dựa vào **mã hàng** và **bảng tra dữ liệu 2.** Nếu ký tự ngoài cùng của mã hàng là **X** thì **lấy đơn giá 1**, là **Y** thì **lấy đơn giá 2**.
- 5) Cột thành tiền USD = đơn giá * số lượng .
- 6) Cột thành tiền VNĐ = cột thành tiền USD * tỉ giá, biết rằng nếu hàng nhập từ tháng 1 tới tháng 7 thì lấy tỉ giá 1, còn lại lấy tỉ giá 2 (1đ).
- 7) Cột ghi chú: Nếu ký tự ngoài cùng của mã hàng là X thì ghi Hàng Ngoại, là Y thì ghi Hàng Nội.
- 8) Thực hiện bảng thống kê bên dưới.

Tên hàng	Cà phê	Đường	Ngũ Cốc	Sữa
Tổng tiền(VNĐ)				

- 9) Vẽ biểu đồ cho bảng thống kê ở câu 8.
- 10) Tạo Header có tiêu đề Bài Thi Excel, Footer có tiều đề Họ Tên của học viên .

CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

STT	Mã bưu kiện	Nơi đến	Phương tiện	Hình thức	Trọng lượng (gram)	Giá cước	Thành tiền
1	MBUSN				500		
2	TLUSE				200		
3	TTAUE				50		
4	TLSIE				250		
5	MBUSN				150		
6	TTSIN				800		
7	TLAUN				250		
8	MBAUE				600		

	GIÁ VẬN CHUYỂN							
Mã	Tên nước	Giá 1	Giá 2	Giá 3				
US	USA	19000	18000	17000				
FR	France	17000	16000	14500				
AU	Australia	14000	12000	11200				
SI	Singapore	12000	10500	10000				

LOẠI PHƯƠNG TIỆN					
Mã phương tiện	MB	TT	TL		
Tên phương	Máy	Tàu	Tàu		
tiện	bay	thủy	lửa		

- Câu 1. Tạo Header là "họ và tên sinh viên" ở vị trí trung tâm (center).
- **Câu 2. Noi đến**: Dựa vào hai ký tự thứ 3 và thứ 4 của Mã bưu kiện và dò tìm trong bảng GIÁ VẬN CHUYỂN.
- **Câu 3. Phương tiện**: Dựa vào 2 ký tự đầu trong Mã bưu kiện và dò tìm trong bảng LOẠI PHƯƠNG TIỆN.
- ${\bf C\hat{a}u}$ 4. Sắp xếp bảng tính theo ${\bf Trọng}$ lượng tăng dần.
- **Câu 5.** Hình thức: Nếu ký tự cuối của Mã bưu kiện là N thì ghi là "Bình thường", ngược lại ghi "Nhanh".
- **Câu 6. Giá cước**: Dựa vào hai ký tụ 3 và 4 của Mã bưu kiện và dò tìm trong bảng GIÁ VẬN CHUYỀN.
 - ✓ Nếu hai ký tự đầu của Mã bưu kiện là "MB" thì lấy giá 1
 - ✓ Nếu hai ký tự đầu của Mã bưu kiện là "TT" thì lấy giá 2

- ✓ Nếu hai ký tự đầu của Mã bưu kiện là "TL" thì lấy giá 3
- **Câu 7. Thành tiền**: = Trọng lượng * Giá cước, nếu hình thức gởi là "Nhanh" thì tăng 10% thành tiền. Định dạng đơn vị tiền tệ là "VNĐ".
- **Câu 8.** Thực hiện bảng thống kê theo mẫu:

DOANH THU CÁC HÌNH THỰC GỬI

Phương tiện	Bình thường	Nhanh
Máy bay	?	?
Tàu thủy		
Tàu lửa		

- **Câu 9.** Trích lọc danh sách các bưu kiện đi USA và có trọng lượng > 300 (gram).
- **Câu 10.** Đếm tổng số bưu kiện được giao hàng bằng "Máy bay" và có trọng lượng >300 (gram).

BÁN HÀNG

BÅNG 1

STT	шо	TÊN	MÃ SỐ	SÔ	TÊN SẢN	ĐƠN	GHI	THƯỞN	MÚC
511	HÒ	IEN	ĐƠN VỊ	LƯƠNG	PHÂM	GIÁ	CHÚ	G	LƯƠNG
1	TRÂN	MINH	APX1	24					
2	LÊ	NAM	BPX2	22					
3	NGUYỄN	НОА	APX1	31					
4	LÝ	LAN	CPX1	37					
5	LÊ	AN	CPX2	43					
6	NGUYỄN	VŨ	BPX1	20					
7	PHAN	MAI	APX2	24					
8	TRẦN	HÙNG	CPX2	19					

BÅNG 2

	A	В	C
Sản phẩm	Nón	Túi Xách	Dây nịt
Đơn giá	15,000	20,000	5,000

BÅNG 3

Số lượng	Thưởng
15	150,000
20	200,000
30	300,000

Yêu cầu

- 1. Nhập liệu và trình bày các bảng được cho như trên
- Điền cột TÊN SẢN PHẨM: Dựa vào 1 kí tự thứ nhất của MÃ SỐ ĐƠN VỊ và BẢNG 2
- 3. Điền cột GHI CHÚ: nếu 1 kí tự cuối của MÃ ĐƠN VỊ là 1 thì ghi "Phân xưởng 1", ngược lại ghi "Phân xưởng 2"
- 4. Dưa vào BẢNG 3 tính côt THƯỞNG
- 5. Tính tóan cho côt MÚC LƯƠNG= SỐ LƯƠNG * ĐƠN GIÁ + THƯỞNG
- **6.** Chèn thêm cột **PHỤ CẤP**, biết nếu **MÚC LƯƠNG** thấp hơn 600,000 thì sẽ phụ cấp thêm cho đủ 600,000 .
- 7. Chèn cột THỰC LÃNH = MỨC LƯƠNG + PHỤ CẤP
- 8. Thực hiện bảng thống kê sau:

Sản phẩm	Nón	Túi xách	Dây nịt
Tổng số luọng			

- 9. Trích danh sách những nhân viên thuộc đơn vị A
- **10.** Tạo **Header** (canh trái) có nội dung là Họ Tên Học Viên; **Footer** (canh phải) là số trang.

Mã hàng	Phân loại	Xuất xứ	Số lượng (m³)	Giá nhập	Giá bán	Doanh thu	Thuế
okal1m			20				
okal2m			23				
vnia1i			34				
okal1i			21				
vnia2i			41				
vnia1m			22				
okal2i			15				
vnia2m			35				

	Bảng tra					
	okal1	okal2	vnia1	vnia2		
m	100	80	200	180		
i	130	90	195	180		

Tổng lợi nhuận từng mặt hàng							
	okal1	okal2	vnia1	vnia2			
m							
i							

- 1. Dựa vào ký tự thứ 5 của mã hàng điền vào cột Phân loại
- 2. Dựa ký tự cuối của mã hàng điền cột xuất xứ: nếu là "m" ghi là "malaysia", còn lại ghi "indonesia"
- 3. Điền giá nhập dựa vào bảng tra
- 4. Điền cột giá bán theo quy định sau:
 - Đối với mặt hàng của "malaysia" : nếu hàng loại 1 thi giá bán > giá nhập 12%, hàng loại 2 thi giá bán hơn giá nhập 8%
 - Đối với mặt hàng của indonesia: giá bán hơn giá nhập 15%
- 5. Cột doanh thu được tính như sau: (giá bán giá nhập). số lượng
- 6. Cột thuế được xác định: nếu hàng loại 1: 5% doanh thu, hàng loại 2: 3% doanh thu
- 7. Cột lợi nhuận = doanh thu thuế
- 8. Thống kê theo bảng "Tổng lợi nhuận các mặt hàng"
- 9. Trích các mặt hàng malaysia loại 1 có lợi nhuận >324
- 10. Vẽ biểu đồ bảng thống kê

BÀI TẬP EXCEL 13 BẢNG TÍNH TIỀN THUẾ

STT	Số CT	Tên	Đối	Đơn	Số	Thành	Tiền
311	30 C1	Vật Tư	Tượng	Giá	Lượng	Tiền	Thuế
	AC20						
	BM12						
	CC50						
	DM60						
	DK30						
	AL40						
	BC70						
	AM80						
	CM90						
	BC15						

BÅNG 1

	Dinio i	
MÃ	TÊN ĐỐI TƯỢNG	TL TRỢ GIÁ
A	Quốc Doanh	10%
В	Công ty Cổ Phần	7%
С	Công ty TNHH	5%
D	Tư Nhân	3%

	1	BÂNG 2			
MÃ	M	С	K	L	
Tên vật tư	Màn Hình	Đĩa CD	Bàn Phím	Linh Tinh	

DANG THONG RE				
Số				
Lượng				

Linh Tinh

RẢNG THỐNG KẾ

	BÅNG ĐƠN GIÁ						
Mã	M	С	K	L			
A	200	400	20	300			
В	105	410	21	290			
С	102	415	20	310			
D	210	420	23	320			

- 1. Nhập dữ liệu, điền số thứ tự theo 001,002,003...
- 2. Tính tên vật tư dựa vào bảng 2, tính tên đối tượng dựa vào bảng 1.
- 3. Tính đơn giá dựa vào bảng đơn giá.
- 4. Tính số lượng dựa vào các cột trong CT, và đổi thành số.
- 5. Thành tiền = SL* DG.
- 6. Tính thuế = Thành tiền* TL Trợ Giá
(Số liệu TL Trợ Giá của từng Công Ty lấy từ Bảng 1) .
- 7. Sắp xếp bảng theo thứ tự giảm dần của số lượng .

- 8. Trích ra danh sách các đối tượng là Công Ty Tư Nhân.
- 9. Tính Bảng Thống Kê, vẽ biểu đồ cho bảng thống kê.

Số báo danh	Mã điểm	Khối thi	Trường thi	Ðiểm Toán	Ðiểm Hóa	Điểm Lý	Điểm Sinh	Tổng điểm	Kết quả
DNTU-359-A	2.00-4.00-2.50								
KHAD-277-A	4.25-5.25-5.50								
DNLS-318-A	5.00-6.50-6.50								
QSBK-769-A	4.25-1.50-0.75								
QSTH-479-B	3.50-8.00-3.00								
DNTU-356-B	5.00-2.00-5.50								
KHAD-427-A	3.50-3.75-4.25								
DNLS-205-B	9.25-2.25-6.00								
QSBK-949-A	2.50-6.75-2.25								
QSTH-872-A	6.75-3.50-4.75								
DNTU-363-A	7.50-5.00-6.00								
QSBK-568-B	8.00-4.50-9.00								

Bản	Điểm Chuẩn		
Mã		Khối	Khối
Trường	Tên Trường	Α	В
DNTU	ĐH Công Nghệ ĐN	16	16.5
KHAD	ĐH Kinh Tế Q Dân HN	19	
DNLS	ĐH Nông Lâm HCM	15	15
QSBK	ĐH Bách Khoa HCM	18.5	17
QSTH	ĐH Khoa Học HCM	15.5	17.5

<u>Bảng thống kê</u>						
	A		В			
	Đậu	Rớt	Đậu	Rớt		
ĐH Công Nghệ ĐN						
ĐH Nông Lâm HCM						
ĐH Bách Khoa HCM						

Yêu cầu:

- Câu 1.Điền Khối thi dựa vào ký tự cuối cùng của số báo danh.
- Câu 2.Điền vào tên **Trường thi** dựa vào 4 ký tự đầu của **Số báo danh** và tra vào bảng Bảng mã Tên trường.
- Câu 3.Điền vào Điểm Toán dựa vào 4 ký tự đầu của mã điểm chuyển sang số.
- Câu 4.Điền vào Điểm Hóa dựa vào 4 ký tự giữa của mã điểm chuyển sang số.
- **Câu 5.**Điền vào **Điểm Lý** dựa vào 4 ký tự sau cùng của mã điểm chuyển sang số. Nếu khối thi là A khác bỏ trống.
- **Câu 6.**Điền vào **Điểm Sinh** dựa vào 4 ký tự sau cùng của mã điểm chuyển sang số. Nếu khối thi là B khác bỏ trống.
- Câu 7.Tổng điểm là tổng số điểm 3 môn thi của thí sinh.
- Câu 8.Kết quả ghi là Đậu nếu tổng điểm lớn hơn hay bằng điểm chuẩn theo khối. Ngược lại là Rớt.

Câu 9.Rút trích danh sách các thí sinh thi đậu.	

BĂNG THỐNG KẾ KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỚI NĂM 201...

Mã thí sinh	Tên thí sinh	Tên Trường	Môn thi	Điểm thi	Kết quả
NK52TH	Trần Vinh			8.09	
NK10TO	Lê Vinh			6.1	
SP93SN	Phạm Quân			6.87	
TR23SN	Trần Quân			7.04	
GD13TH	Lê Hoàng			7.52	
LE56SN	Trần Quân			7.11	
GD74TH	Lê Quân			7.89	
TR73TO	Lê Viên			6.1	
LE20TH	Lê Văn			6.87	
NK73TO	Lê Thuý			8.2	
NK73TO	Phạm Quân			9.86	
NK31SN	Phạm Vinh			9.66	
GD59SN	Trần My			9.87	
TR15TO	Lê Hoàng			5.68	
TH90TO	Lê Nguyễn			7.92	

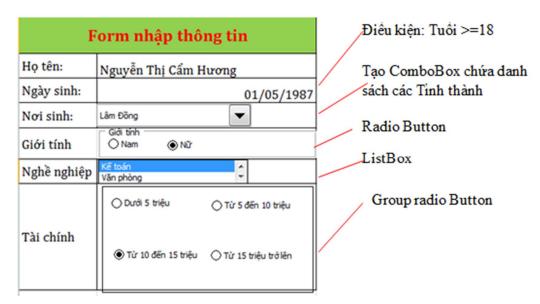
Mã Trường	Tên trường	Mã Môn học	Tên Môn học	Thống kê thí sinh dự thi			
g	Training Ton adding Marketing	Ten mon nọc		Toán	Sinh ngữ	Tin Học	
TR	Trần Đại Nghĩa	TO	Toán	Trần Đại Nghĩa			
LE	Lê Hồng Phong	SN	Sinh ngữ				
GD	Gia Đinh	TH	Tin Hoc	Lê Hồng Phong			
NK	Năng Khiếu	Xếp loạ	i kết quả	Gia Định			
TH	Nguyễn Thượng Hiền	5	Trung Bình	Năng Khiếu			
SP	Sư Phạm	6.5	Khá	Nguyễn Thượng Hiền			
		8	Giỏi	Sư Pham			
		9.5	Xuất sắc			"	

Yêu cầu:

- Câu 1. Dựa ký tự đầu của mã thí sinh dò theo bảng điền tên trường.
- Câu 2. Dựa ký tự sau của mã thí sinh điền môn thí sinh thi
- Câu 3. Dựa vào điểm thi xếp loại kết quả của thí sinh.
- **Câu 4.** Dựa vào tên trường và môn thi đếm danh sách thí sinh thi từng môn (Dùng công thức mảng).
- **Câu 5.** Dựa vào tên trường và kết quả môn thi đếm danh sách loại thí sinh theo kết quả từng trường (Dùng công thức mảng).
- Câu 6. Rút trích danh sách thí sinh đạt loại giỏi hay trung bình.
- Câu 7. Vẽ đồ thị thống kê thí sinh dự thi.
- **Câu 8.** Vẽ đồ thị thống kê kết quả thí sinh dự thi.
- **Câu 9.** Sắp xếp bảng tính theo trường và dùng Subtotal đếm số thí sinh dự thi mỗi trường.

Thống kê kết quả thí sinh dự thi						
	Trung bình	Khá	Giỏi	Xuất sắc		
Trần Đại Nghĩa						
Lê Hồng Phong						
Gia Định						
Năng Khiếu						
Nguyễn Thượng Hiền						
Sư Phạm						

♣ Tạo một Form Control theo mẫu:



♣ Và tạo một Form để hiển thị và cho kết quả được vay bao nhiều tiền như sau:

Form hiển thị				
Họ tên:	Nguyễn Thị Cẩm Hương			
Ngày sinh:	01/05/1987			
Nơi sinh:	Lâm Đồng			
Giới tính	Nữ			
Nghề nghiệp	Kế toán			
Số tiền được vay	Được vay 10 triệu			

- Các thông tin được truyền trực tiếp khi ta nhập liệu từ Form nhập
- Số tiền được vay :
 - o Nếu là Nam và Tài chính dưới 10 triệu thì được vay 5 triệu
 - o Nếu là nữ và Tài chính dưới 10 triệu thì được vay 4 triệu.

Trường hợp còn lại được vay 10 triệu